

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự thụ lý số: 355/2020/TLST – DS ngày 24 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Thị N, sinh năm 1941

Địa chỉ: ấp N1, xã N2, huyện B, tỉnh Bến Tre

Bà Ngân ủy quyền cho anh Nguyễn Vũ B2, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp B1, xã B3, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Phan Hữu T, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp N1, xã N2, huyện B, tỉnh Bến Tre

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Phan Thị O, sinh năm: 1959

Phan Thị Cẩm H, sinh năm: 1963

Phan Thị Cẩm L, sinh năm: 1978

Cùng địa chỉ: ấp N1, xã N2, huyện B, tỉnh Bến Tre

Phan Thị O; Phan Thị Cẩm L cùng ủy quyền cho Phan Thị Cẩm H

Phan Thế Y, sinh năm 1981

Phan Thị T1, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp P2, xã BA, huyện B1, tỉnh Tiền Giang

Phan Thị T1 ủy quyền cho Phan Hữu T

2. Sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Bà Võ Thị N ; Phan Hữu T; Phan Thị O; Phan Thị Cẩm L; Phan Thị Cẩm H; Phan Thế Y; Phan Thị T1 thống nhất tự thỏa thuận với nhau cụ thể như sau :

Phần đất thuộc thửa số 75, tờ bản đồ số 20, tọa lạc ấp N1, xã N2, diện tích 5303,5m² (thửa 958, 959 tờ bản đồ số 3) do ông Phan Văn V để lại được chia như sau :

Bà Võ Thị N được nhận 02 phần tổng diện tích 1.253,6m² thuộc thửa 75A, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp N1, xã N2, huyện B trong đó có 200m² đất thổ cư; bà Phan Thị Cẩm L; bà Phan Thị O; Phan Thị Cẩm H mỗi người được nhận 626,8m² thuộc thửa 75A, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp N1, xã N2, huyện B. Do bà Phan Thị O ; Phan Thị Cẩm L thống nhất để lại cho bà Võ Thị N sở hữu toàn bộ diện tích 626,8m² x 3 = 1.880,4m² nên tổng diện tích bà Võ Thị N được nhận là 3134m² thuộc thửa 75A, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp N1, xã N2, huyện B (có họa đồ kèm theo).

Ông Phan Hữu T; ông Phan Thế Y; bà Phan Thị T1 cùng được nhận tổng diện tích đất 1.880,4m² thuộc thửa 75B, tờ bản đồ số 20, trong đó có 100m² đất thổ cư phần đất nêu trên tọa lạc tại ấp N1, xã N2, huyện B (có họa đồ kèm theo).

Riêng khu mộ thuộc thửa số 75c diện tích 289,1m² tờ bản đồ số 20 là thuộc sở hữu chung của các thành viên gia đình gồm : bà Võ Thị N; Phan Hữu T ; Phan Thị O; Phan Thị Cẩm L; Phan Thị Cẩm H; Phan Thế Y; Phan Thị T1. Yêu cầu Phan Hữu T; Phan Thế Y; Phan Thị T1 phải đảm bảo có lối đi để ra vào viếng mộ do phần thổ mộ nằm trên phần đất của Phan Hữu T; ông Phan Thế Y; bà Phan Thị T1 cùng được nhận (có họa đồ kèm theo).

Chi phí tố tụng : 4.319.000 đồng mỗi người phải chịu 617.000 đồng nhưng do bà Võ Thị N đã nộp tạm ứng toàn bộ nên buộc Phan Hữu T ; Phan Thị O; Phan Thị Cẩm L; Phan Thị Cẩm H; Phan Thế Y; Phan Thị T1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho bà N.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2,5% (tính theo giá đất được nhận 400.000 đồng/1m²) :

Bà Phan Thị Cẩm H tự nguyện chịu nên phải nộp số tiền 6.268.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.600.000 đồng theo biên lai thu số 0006155, ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre nên còn phải nộp thêm 4.668.000 đồng

Bà Phan Thị Cẩm L tự nguyện chịu nên phải nộp số tiền 6.268.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.600.000 đồng theo biên lai thu số 0006156, ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre nên còn phải nộp thêm 4.668.000 đồng

Ông Phan Thế Y tự nguyện chịu nên phải nộp số tiền 6.268.000 đồng

nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 0006121, ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre nên còn phải nộp thêm 3.143.000 đồng

Ông Phan Thị T1 tự nguyện chịu nên phải nộp số tiền 6.268.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 0006122, ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre nên còn phải nộp thêm 3.143.000 đồng

Ông Phan Hữu T tự nguyện chịu nên phải nộp số tiền 6.268.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 0006114, ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre nên còn phải nộp thêm 3.143.000 đồng

Bà Võ Thị N; bà Phan Thị O thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Đề nghị ủy ban nhân dân huyện B điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp số phát hành AD 220480; AD 220481, số vào sổ cấp GCN: H00136; H00135 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Phan Văn V vào ngày 24/10/2005.

Bà Võ Thị N; Phan Hữu T; Phan Thị O; Phan Thị Cẩm L; Phan Thị Cẩm H; Phan Thế Y; Phan Thị T1 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA) (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện B (01b);
- Các đương sự (05b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (02b).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đình

